

ỦY BAN VẬT GIÁ NHÀ NƯỚC

QUYẾT ĐỊNH

QUYẾT ĐỊNH số 65-TLSX/VGNN ngày 16-10-1974 về giá bán apatit nghiền cho hợp tác xã nông nghiệp.

CHỦ NHIỆM ỦY BAN VẬT GIÁ NHÀ NƯỚC

Căn cứ vào nghị định của Hội đồng Chính phủ số 106-CP ngày 24-6-1965 quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ủy ban Vật giá Nhà nước;

Căn cứ vào nghị quyết số 210-CP ngày 9-9-1974 của Hội đồng Chính phủ về phương hướng, nhiệm vụ giá cả trong hai năm 1974 — 1975,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Apatit nghiền có hàm lượng 20% P₂O₅ bán cho hợp tác xã nông nghiệp vẫn theo giá hiện hành 100 đồng/tấn (một trăm đồng một tấn).

Đề khuyến khích hợp tác xã sử dụng ngày càng rộng rãi apatit nghiền trong nông nghiệp, Nhà nước cho thêm một lượng apatit nghiền bằng lượng hợp tác xã mua (bán một cho một).

Điều 2. — Quyết định này được thi hành kể từ ngày 1 tháng 11 năm 1974 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 1975.

Hà-nội, ngày 16 tháng 10 năm 1974

Q. Chủ nhiệm Ủy ban Vật giá Nhà nước
TÔ DUY

QUYẾT ĐỊNH số 66-NS/VGNN ngày 16-10-1974 về việc điều chỉnh giá mua màu chế biến trong và ngoài nghĩa vụ.

CHỦ NHIỆM ỦY BAN VẬT GIÁ NHÀ NƯỚC

Căn cứ vào nghị định của Hội đồng Chính phủ số 106-CP ngày 24-6-1965 quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ủy ban Vật giá Nhà nước;

Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng Chính phủ số 210-CP ngày 9-9-1974 về phương hướng, nhiệm vụ giá cả trong hai năm 1974 — 1975;

Sau khi trao đổi với các ngành có liên quan và báo cáo Thủ tướng Chính phủ,

Điều 1. — Nay điều chỉnh và quy định giá mua một kilôgam sản lát khô trong nghĩa vụ trên toàn miền Bắc như sau :

1. Sản lát khô bóc vỏ dày :

Loại I : 0,42đ (bốn hào hai xu)

Loại II : 0,36đ (ba hào sáu xu)

2. Sản lát khô không bóc vỏ dày :

Loại I : 0,31đ (ba hào một xu)

Loại II : 0,26đ (hai hào sáu xu)

Điều 2. — Nay điều chỉnh và quy định giá mua một kilôgam sản lát khô ngoài nghĩa vụ trên toàn miền Bắc như sau :

1. Sản lát khô bóc vỏ dày :

Loại I : 0,75đ (bảy hào năm xu)

Loại II : 0,60đ (sáu hào)

2. Sản lát khô không bóc vỏ dày :

Loại I : 0,56đ (năm hào sáu xu)

Loại II : 0,45đ (bốn hào năm xu)

Điều 3. — Nay điều chỉnh và quy định giá mua một kilôgam khoai lang lát khô các loại trong nghĩa vụ như sau :

— **Tại các tỉnh Nghệ-an, Hà-tĩnh, Quảng-binh, và khu vực Vĩnh-linh :**

Loại I : 0,42đ (bốn hào hai xu)

Loại II : 0,36đ (ba hào sáu xu)

— **Tại tỉnh Thanh-hóa :**

Loại I : 0,39đ (ba hào chín xu)

Loại II : 0,33đ (ba hào ba xu)

— **Tại các tỉnh khác :**

Loại I : 0,37đ (ba hào bảy xu)

Loại II : 0,32đ (ba hào hai xu)

Điều 4. — Nay điều chỉnh và quy định giá mua một kilôgam khoai lang lát khô các loại ngoài nghĩa vụ như sau :

— **Tại các tỉnh Nghệ-an, Hà-tĩnh, Quảng-binh và khu vực Vĩnh-linh :**

Loại I : 0,75đ (bảy hào năm xu)

Loại II : 0,60đ (sáu hào)